TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ L** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 23/3/2021.
V/v: *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đỗ Phú Phước**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phan Vũ Anh Kiệt** và ông **Nguyễn Văn Quang**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Thịnh** - Thư ký Toà án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên toà: Bà **Lê Thị Nữ** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18/11/2020, về: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 10/3/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm: 1982. *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: Thôn 2, xã T huyện H, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Ông **Phan Hồng Á**, sinh năm: 1974. (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố 7, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phan Hồng Á đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã Tân An nay là phường Tân An, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc trong thời gian đầu đến 2009 do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường hay cãi vả nhau và đến 2016 thì vợ chồng sống ly thân, mạnh ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Á

Về con chung: Vợ chồng có với nhau được 03 người con chung tên Phan Thị Quỳnh N, sinh ngày 20/8/2004; Phan Nhật T, sinh ngày 08/10/2007 và Phan Hoài Đ, sinh ngày 30/6/2009. Nếu ly hôn, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Quỳnh N và giao 02 con chung N Trường và Hoài Đ cho anh Á trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông Phan Hồng Á: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, cũng như đã tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không chấp hành và cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp Tòa án. Tòa án cũng đã tống đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, nên không hòa giải được. Tại phiên tòa, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Phan Hồng Á. Về con chung: Giao con chung Phan Thị Quỳnh N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phan Nhật T và Phan Hoài Đ cho ông Á trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Nguyễn Thị L khởi kiện ông Phan Hồng Ánh về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con". Bị đơn ông Ánh có nơi cư trú tại khu phố 7, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Nguyên đơn bà lan có đơn xin vắng mặt, bị đơn ông Ánh đã được Toà án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là phù hợp quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Á. Về con chung: bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Quỳnh N và giao 02 con chung Nhật T và Hoài Đ cho anh Á trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Ánh không có mặt để giải quyết vụ án này, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Việc vắng mặt này của ông Ánh được coi là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của mình. Hội đồng xét xử xem xét các chứng cứ nguyên đơn cung cấp, tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án.

Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa bà L và ông Á tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào năm 2003 tại UBND xã Tân An nay là phường Tân An, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống giai đoạn đầu vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và ly thân từ 2016 cho đến nay mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên việc vợ chồng hàn gắn là rất khó. Ngoài ra, ông Á đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gởi đến Tòa án, điều này chứng tỏ ông Á không có thiện chí giữ gìn quan hệ hôn nhân, cũng như giữa ông, bà không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những căn cứ trên, nhận thấy mâu thuẫn giữa ông Á và bà L đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà L ly hôn ông Á là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Tôn trọng nguyện vọng của các con chung giao con chung Phan Thị Quỳnh N cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phan Nhật T và Phan Hoài Đ cho ông Á trực tiếp nuôi dưỡng; không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà L không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bà L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị L được ly hôn ông Phan Hồng Á.

[2] Về con chung: Giao con chung Phan Thị Quỳnh N, sinh ngày 20/8/2004 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Phan Nhật T, sinh ngày 08/10/2007 và Phan Hoài Đ, sinh ngày 30/6/2009 cho ông Á trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng bà L được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0004649 ngày 12/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Bà L đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Thuận;*
- *VKSND thị xã La Gi;*
- *THADS thị xã La Gi;*
- *Đương sự;*
- *Lưu HS - Lưu Tòa án;*
- *UBND phường Tân An*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Phú Phước